

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ NỘI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 538 /QĐ-CDYTHN ngày 15 tháng 4
năm 2024 Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội)

Ngành đào tạo : Điều dưỡng
Mã Ngành : 6720301
Trình độ đào tạo : Cao đẳng

Hà Nội, năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CDYTHN ngày tháng năm 2024 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội)

Tên ngành, nghề : **Điều dưỡng**
Mã ngành, nghề : 6720301
Trình độ đào tạo : Cao đẳng
Hình thức đào tạo : Chính quy
Đối tượng tuyển sinh : Tốt nghiệp Trung học phổ thông
Thời gian đào tạo : 3 năm.

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người điều dưỡng trình độ cao đẳng có kiến thức và năng lực thực hành nghề điều dưỡng ở trình độ cao đẳng, đáp ứng được chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam, có khả năng hội nhập quốc tế, có ý thức tôn vinh nghề nghiệp, không ngừng học tập, phát triển nghề nghiệp, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Người điều dưỡng có phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức phục vụ nhân dân, thực hành nghề nghiệp theo quy định của nhà nước, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, trung thực, khách quan, thận trọng trong nghề nghiệp, tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Kiến thức

- Trình bày được các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để giải thích nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và hướng điều trị người bệnh để lập kế hoạch chăm sóc người bệnh.

- Phân tích được về dược lý, dinh dưỡng, tâm lý con người, kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành chăm sóc người bệnh.

- Giải thích được quá trình dược động học của thuốc, tác dụng của thuốc, quy chế sử dụng thuốc để sử dụng thuốc hợp lý và an toàn.

- Trình bày được kiến thức về vi ký sinh để xác định các nguyên nhân gây bệnh, nguồn lây nhiễm để lập kế hoạch phòng bệnh.

- Giải thích được quy trình tiếp nhận người bệnh vào viện và hướng dẫn được cho

người bệnh các thủ tục, giấy tờ cần thiết cho người bệnh ra viện.

- Phân tích được được đặc điểm tâm lý từng người bệnh để lựa chọn phương pháp giao tiếp và tư vấn sức khỏe phù hợp.

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2.2.2. Kỹ năng

- Nhận định được tình trạng người bệnh và đưa ra các chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho người bệnh.

- Phân loại được người bệnh đến khám và cấp cứu, xác định được vấn đề ưu tiên để đưa ra hướng xử trí phù hợp.

- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh.

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên ngành.

- Phụ giúp được bác sĩ thực hiện các thủ thuật trên người bệnh..

- Thực hiện việc sơ cứu, cấp cứu ban đầu các trường hợp cấp cứu tại cộng đồng;

- Quản lý trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, thuốc, hồ sơ, sổ sách.

- Theo dõi, đánh giá tình trạng, ghi chép những diễn biến hàng ngày của người bệnh, phát hiện và báo cáo các diễn biến bất thường của người bệnh.

- Giao tiếp lịch sự, thân thiện với người bệnh

- Tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng.

- Tham gia phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp phòng chống dịch và bảo vệ môi trường sức khỏe;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề.

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

2.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực điều dưỡng và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.

- Thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của cá nhân và của nhóm.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi học xong chương trình cao đẳng ngành Điều dưỡng, người học có thể làm tại các cơ sở cơ sở khám chữa bệnh công lập và ngoài công lập, các cơ sở khám bệnh tư nhân, các trung tâm cấp cứu cộng đồng, trung tâm y tế dự phòng, các viện dưỡng lão, trạm y tế, thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Các vị trí làm việc:

TT	TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM	BẬC (theo tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia)				
		Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5
1	Điều dưỡng phòng khám		x			
2	Điều dưỡng chăm sóc			x		
3	Điều dưỡng cộng đồng			x		

3. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khoá học: 99 tín chỉ/2625 giờ).
- Số lượng môn học, mô đun: 32
- Khối lượng các môn học chung: 435 giờ/19 tín chỉ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 80 tín chỉ/2190 giờ)
- Khối lượng lý thuyết: 824 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1801 giờ.

4. Tổng hợp các năng lực của ngành

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Hiểu biết về chính trị, pháp luật, quốc phòng, an ninh. Khả năng về thể chất, sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc;
2	NLCB-02	Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề
3	NLCB-03	Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề

4	NLCB-04	Vận dụng kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để xác định tình trạng sức khỏe và nhu cầu chăm sóc của người bệnh tại bệnh viện và cộng đồng
5	NLCB-05	Vận dụng các quy định của pháp luật và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp để thiết lập được môi trường làm việc và công tác chăm sóc người bệnh an toàn, hiệu quả và giảm thiểu rủi ro trong cấp cứu.
6	NLCB-06	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi
7	NLCB-07	Phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hiện công việc và giải quyết được những tình huống trong thực tế
8	NLCB-08	Hướng dẫn, giám sát các thành viên trong nhóm thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm
9	NLCB-09	Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm
10	NLCB-10	Lập kế hoạch phát triển cá nhân để hoàn thiện bản thân và tìm kiếm việc làm
2	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
1	NLCL-01	Áp dụng quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe người bệnh theo các chuyên khoa: nội, ngoại, sản, nhi.
2	NLCL-02	Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, kỹ thuật chuyên khoa và kỹ thuật cấp cứu ban đầu.
3	NLCL-03	Vận dụng kiến thức về kiểm soát nhiễm khuẩn, bảo hộ lao động để thiết lập môi trường làm việc an toàn
4	NLCL-04	Vận dụng các kiến thức về dịch tễ, môi trường và hành vi sức khỏe để nhận định, chăm sóc sức khỏe của cá nhân, gia đình và cộng đồng.
5	NLCL-05	Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực chăm sóc, hợp tác liên ngành, quản lý môi trường chăm sóc để đảm bảo chăm sóc an toàn, toàn diện, liên tục, hiệu quả cho cá nhân, gia đình và cộng đồng
6	NLCL-06	Phát hiện kịp thời, đánh giá đầy đủ, chính xác các tình huống cấp cứu để phối hợp, thực hiện sơ cứu, cấp cứu đúng, hiệu quả tại cơ sở đào tạo và cộng đồng. Tham gia cấp cứu dịch bệnh và thảm họa
7	NLCL-07	Vận dụng được các nguyên tắc giao tiếp, giáo dục sức khỏe, văn hoá, tín ngưỡng để cung cấp thông tin, tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình và cộng đồng

8	NLCL-08	Vận dụng được kiến thức về chuyên môn để hỗ trợ phục hồi chức năng cho người bệnh
9	NLCL-09	Áp dụng được kiến thức về dinh dưỡng để thực hiện các chỉ định dinh dưỡng cho người bệnh
10	NLCL-10	Vận dụng được kiến thức về chuyên môn nội, ngoại, nhi để chăm sóc giảm nhẹ, hỗ trợ tâm lý cho NB ở giai đoạn cuối.
11	NLCL-11	Vận dụng được kiến thức về chuyên môn để lập kế hoạch điều dưỡng cá nhân, gia đình và cộng đồng.
III Năng lực nâng cao		
1	NLNC- 01	Vận dụng được kiến thức về nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng để tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học

6. Nội dung Chương trình

STT	Mã MH/ MB	Tên môn học / mô đun	Thời gian học tập (tín chỉ)				Thời gian học tập (giờ)					
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
				Lý thuyết	Thực hành/ bài tập/ thảo	Thực tập lâm sàng		Lý thuyết	Thực hành/ bài tập/ thảo	Thực tập lâm sàng	Thi/ kiểm tra LT	Thi/ kiểm tra TH
	I	Các môn học chung	19	10	9	0	435	157	255	0	19	4
1	MHCH01	Giáo dục chính trị	5	3	2	0	75	41	29	0	5	0
2	MHCH02	Tin học	3	1	2	0	75	15	58	0	1	1
3	MHCH03A	Ngoại ngữ 1 (tiếng Anh 1)	2	1	1	0	60	21	36	0	3	0
4	MHCH04A	Ngoại ngữ 2 (tiếng Anh 2)	2	1	1	0	60	21	36	0	3	0
5	MHCH05	Pháp luật	2	2	0	0	30	18	10	0	2	0
6	MHCH06	Giáo dục thể chất	2	0	2	0	60	5	51	0	1	3

7	MHCH07	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	2	1	0	75	36	35	0	4	0
	II.	Các môn học, mô đun chuyên môn	80	43	8	29	2190	613	229	1275	35	38
	II.1	Môn học, mô đun cơ sở	16	15	1	0	255	214	28	0	13	0
8	MHCS01.24	Cấu tạo và chức năng của cơ thể	5	4	1	0	90	59	28	0	3	0
9	MHCS02.24	Sự hình thành bệnh tật và quá trình phục hồi	3	3	0	0	45	43	0	0	2	0
10	MHCS03.24	Pháp luật y tế và đạo đức nghề nghiệp	2	2	0	0	30	28	0	0	2	0
11	MHCS04.24	Sức khỏe môi trường và dịch tễ học	2	2	0	0	30	28	0	0	2	0
12	MHCS05.24	Tâm lý- Giao tiếp – GDSK	2	2	0	0	30	28	0	0	2	0
13	MHCS06.24	Nghiên cứu khoa học	2	2	0	0	30	28	0	0	2	0
	II.2	Môn học, mô đun chuyên ngành	58	26	7	25	1725	371	201	1097	20	36

14	MHDIEU01.24	Điều dưỡng cơ sở 1	5	3	2	0	105	43	58	0	2	2
15	MDDIEU02.24	Điều dưỡng cơ sở 2	4	2	2	0	90	28	58	0	2	2
16	MHDIEU03.24	Chăm sóc sức khỏe người lớn 1	5	5	0	0	75	72	0	0	3	0
17	MHDIEU04.24	Chăm sóc sức khỏe người lớn 2	4	4	0	0	60	57	0	0	3	0
18	MHDIEU05.24	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn 1	2	0	2	0	60	0	57	0	0	3
19	MDDIEU06.24	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn 2	5	0	0	5	225	0	0	220	0	5
20	MDDIEU07.24	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn 3	5	0	0	5	225	0	0	220	0	5
21	MDDIEU08.24	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	3	2	1	0	60	28	28	0	2	2
22	MDDIEU09.24	Thực hành lâm sàng Chăm sóc sức khỏe trẻ em	3	0	0	3	135	0	0	130	0	5

23	MĐDDIEU10.24	Chăm sóc sức khoẻ phụ nữ, bà mẹ và gia đình	2	2	0	0	0	0	28	0	0	2	0
24	MHDIEU11.24	Thực hành lâm sàng Chăm sóc sức khoẻ phụ nữ, bà mẹ và gia đình	3	0	0	3	135	0	0	130	0	5	
25	MĐDDIEU12.24	Chăm sóc sức khoẻ cộng đồng	5	3	0	2	135	44	0	89	2	0	
26	MĐDDIEU13.24	Quản lý điều dưỡng	2	2	0	0	30	28	0	0	2	0	
27	MĐDDIEU14.24	Điều dưỡng bệnh truyền nhiễm	5	3	0	2	135	43	0	88	2	2	
28	MĐDDIEU15.24	Thực tế nghề nghiệp	5	0	0	5	225	0	0	220	0	5	
	II. 3	Môn học, mô đun tự chọn (chọn 2 trong 12 môn học)	6	2	0	4	210	28	0	178	2	2	
29	MĐDDIEU16A.24	Phục hồi chức năng	3	1	0	2	105	14	0	89	1	1	
30	MĐDDIEU16B.24	Y học cổ truyền	3	1	0	2	105	14	0	89	1	1	

31	MDDIEU16C.24	Điều dưỡng chuyên khoa RHM	3	1	0	2	105	14	0	89	1	1
32	MDDIEU16D.24	Điều dưỡng chuyên khoa TMH	3	1	0	2	105	14	0	89	1	1
33	MDDIEU16E.24	Điều dưỡng chuyên khoa mắt	3	1	0	2	105	14	0	89	1	1
34	MDDIEU16F.24	Điều dưỡng chuyên khoa đa liệu	3	1	0	2	105	14	0	89	1	1
35	MDDIEU16G.24	Điều dưỡng chuyên khoa thần kinh	3	1	0	2	105	14	0	89	1	1
36	MDDIEU16H.24	Điều dưỡng chuyên khoa lão khoa	3	1	0	2	105	14	0	89	1	1
37	MDDIEU16I.24	Chăm sóc giảm nhẹ	3	1	0	2	105	14	0	89	1	1
38	MDDIEU16K.24	Chăm sóc sức khỏe gia đình	3	1	0	2	105	14	0	89	1	1
39	MDDIEU16L.24	Chăm sóc dinh dưỡng	3	1	0	2	105	14	0	89	1	1
40	MDDIEU16M.24	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	3	1	0	2	105	14	0	89	1	1
	Tổng		99	53	17	29	2625	770	484	1275	54	42

7. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Các môn học chung bắt buộc thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

7.1.1. Môn Anh văn thực hiện theo thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc Ban hành chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

7.1.2. Môn Tin học thực hiện theo thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

7.1.3. Môn Giáo dục thể chất thực hiện theo thông tư số 12/2018/TT- BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

7.1.4. Môn học Pháp luật thực hiện theo thông tư số 13/2018/TT- BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

7.1.5. Môn học Giáo dục chính trị thực hiện theo thông tư số 24/2018/TT- BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

7.1.6. Môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh thực hiện theo thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

7.2. Tổ chức đào tạo: Tổ chức đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun và tích lũy tín chỉ theo hướng dẫn thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội ngày 30/3/2022.

7.3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung hoạt động ngoại khoá: căn cứ điều kiện cụ thể, khả năng của trường, kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khoá học, lớp học và hình thức tổ chức đào tạo trong chương trình đào tạo, Hiệu trưởng sẽ có quyết định ban hành

vào đầu mỗi khoá học.

7.4. Tổ chức thi/ kiểm tra hết môn học/ mô đun: Áp dụng Quy định về thực hiện chương trình đào tạo theo thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội ngày 30/3/2022 và được cụ thể hoá trong nội dung chi tiết từng môn học và quy chế đào tạo.

7.5. Tổ chức xét công nhận tốt nghiệp: Áp dụng Quy định xét công nhận tốt nghiệp theo hướng dẫn thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ngày 30/3/2022, cụ thể:

- Người học phải học hết chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ số mô đun/ tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo.
- Hiệu trưởng sẽ căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học.
- Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng danh hiệu cử nhân thực hành ngành Điều dưỡng (bằng bậc 5 trong khung trình độ quốc gia).

7.6. Các phương pháp dạy – học chính: tất cả các môn học cần được giảng dạy bằng phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm như thảo luận nhóm, bài tập tình huống, thảo luận ca lâm sàng, giải quyết vấn đề, bài tập nhóm, bài tập lớn, thực hành dựa vào bằng chứng

7.7. Điều kiện thực hiện chương trình:

- Tổ chức học lý thuyết tại giảng đường hoặc tổ chức học trực tuyến: có đủ thiết bị âm thanh, ánh sáng, máy chiếu, máy tính. Đối với tổ chức học trực tuyến: phải có phần mềm, tài khoản, máy tính và các điều kiện khác để tổ chức học trực tuyến.
- Tổ chức học thực hành tại phòng thực hành có đủ trang thiết bị, mô hình thực hành theo yêu cầu của từng môn học.
- Tổ chức thừa địa tại các cơ sở y tế đã công bố đủ điều kiện là cơ sở đào tạo thực hành trong khối ngành sức khỏe, có ký hợp đồng nguyên tắc theo nghị định 111/2017/NĐ-CP về việc phối hợp đào tạo thực hành giữa cơ sở giáo dục và cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.
- Giảng viên đạt tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ và có đủ kinh nghiệm giảng dạy.